

Số: 69/QĐ-LĐTĐBXH

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định tổ chức chứng nhận

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 1480/QĐ-LĐTĐBXH ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và ủy quyền thực hiện thẩm quyền giải quyết các thủ tục hành chính chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ kết quả đánh giá năng lực thực tế tổ chức đăng ký chỉ định chứng nhận hợp quy tại công ty TNHH VINESH Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục An toàn lao động.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định công ty TNHH VINESH Việt Nam thực hiện việc chứng nhận phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Danh sách chi tiết ban hành kèm theo Quyết định này.

Địa chỉ tổ chức: Số 50 ngõ 5, tổ 2 phường Phú Lương quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0907884094; Email: vineshvietnam@gmail.com

Điều 2. Thời hạn hiệu lực của Quyết định này 05 năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. công ty TNHH VINESH Việt Nam có trách nhiệm thực hiện việc chứng nhận phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.

Điều 4. Chánh văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục An toàn lao động, Giám đốc công ty TNHH VINESH Việt Nam và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH VINESH Việt Nam;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ KH-CN (để b/c);
- Sở LĐTBXH Hà Nội;
- Lưu: VT, Cục ATLD (03 bản).

**TUQ. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG**

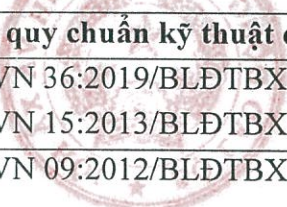


Hà Tất Thắng

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 69 /QĐ-LĐTBXH ngày 27 / 01 /2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
1.	Nồi hơi các loại (bao gồm cả bộ quá nhiệt và bộ hâm nước) có áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar)	QCVN 01:2008/BLĐTBXH
2.	Chai, thùng chứa chứa khí nén có áp suất làm việc định mức trên 0,7 bar (trừ chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng)	QCVN 01:2008/BLĐTBXH
3.	Bình, bồn, bể, xi téc có áp suất làm việc định mức trên 0,7 bar theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366:2010 (trừ thiết bị đặc thù chuyên ngành công nghiệp)	QCVN 01:2008/BLĐTBXH
4.	Hệ thống lạnh các loại	QCVN 21:2015/BLĐTBXH
5.	Thiết bị nâng	QCVN 07:2012/BLĐTBXH
6.	Cần trục các loại	QCVN07:2012/BLĐTBXH; QCVN 29:2016/BLĐTBXH
7.	Cầu trục: Cầu trục lăn, cầu trục treo, công trục , nửa công trục	QCVN07:2012/BLĐTBXH; QCVN 30:2016/BLĐTBXH
8.	Pa lăng điện; Palăng kéo tay có tải trọng từ 1.000 kg trở lên; Tời điện dùng để nâng tải, kéo tải; Tời thủ công có tải trọng từ 1.000 kg trở lên	QCVN 13:2013/BLĐTBXH QCVN 07:2012/BLĐTBXH
9.	Tời điện dùng để nâng tải, kéo tải, tời thủ công	QCVN 07:2012/BLĐTBXH
10.	Thang máy các loại và các bộ phận an toàn của thang máy	QCVN 02:2019/BLĐTBXH QCVN 32:2018/BLĐTBXH
11.	Thang cuốn, băng tải chở người	QCVN 11:2012/BLĐTBXH
12.	Vận thăng	QCVN 16:2013/BLĐTBXH
13.	Xe nâng hàng dùng động cơ tải trọng từ 1000 kg trở lên	QCVN 25:2015/BLĐTBXH
14.	Bàn nâng, sàn nâng dùng để nâng người	QCVN07:2012/BLĐTBXH; QCVN 20:2015/BLĐTBXH QCVN 12:2013/BLĐTBXH
15.	Đường ống dẫn hơi nước và nước nóng	QCVN31:2017/BLĐTBXH
16.	Ống cách điện có chứa bột và sào cách điện dạng đặc dùng để làm việc khi có điện	QCVN 14:2013/BLĐTBXH
17.	Quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa	QCVN 37:2019/BLĐTBXH



STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
18.	Phương tiện bảo vệ chân	QCVN 36:2019/BLĐTBXH QCVN 15:2013/BLĐTBXH;
19.	Dụng cụ điện cầm tay truyền động bằng động cơ	QCVN 09:2012/BLĐTBXH
20.	Máy hàn điện	QCVN 03:2011/BLĐTBXH
21.	Khẩu trang, mặt nạ và bán mặt nạ lọc bụi; Khẩu trang mặt nạ và bán mặt nạ lọc hơi khí độc	QCVN08:2012/BLĐTBXH; QCVN 10:2012/BLĐTBXH
22.	Phương tiện bảo vệ tay	QCVN 24:2014/BLĐTBXH
23.	Thiết bị nâng	QCVN 07:2012/BLĐTBXH
24.	Mũ an toàn công nghiệp	QCVN 06:2012/BLĐTBXH
25.	Hệ thống chống rơi ngã cá nhân	QCVN 23:2014/BLĐTBXH
26.	Sàn thao tác treo	QCVN 12:2013/BLĐTBXH
27.	Phương tiện bảo vệ mắt, mặt	QCVN27:2016/BLĐTBXH; QCVN 28:2016/BLĐTBXH

Handwritten signature

Số: **42** /LĐTBXH-GCN

Hà Nội, ngày **27** tháng **01** năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn lao động, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chứng nhận:

1. Công ty TNHH VINESH Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: Số 50 ngõ 5 tổ 2 phường Phú Lương quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0907884094;

Email: vineshvietnam@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hàng hóa đối với ngành lao động (chi tiết theo phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này).

2. Số đăng ký: **30** /CN-ATLĐ.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký. *HL*

Nơi nhận:

- Công ty TNHH VINESH Việt Nam;
- Sở LĐTBXH Hà Nội;
- Lưu: VT, Cục ATLĐ (03 bản).

**TUQ. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG**



Hà Tất Thắng



**DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA ĐĂNG KÝ
HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận số **42** /LĐTBXH - GCN
ngày **27/01/2022** của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật
1.	Nồi hơi các loại (bao gồm cả bộ quá nhiệt và bộ hâm nước) có áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar	TCVN 6413:1998; TCVN 6008:2010 TCVN 9385:2012; TCVN 5346:1991; TCVN 7704:2007; QCVN 01:2008/BLĐTBXH
2.	Các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thủy tĩnh)	TCVN 6155:1996; TCVN 8366:2010; TCVN 6156:1996; TCVN 6292:2013; TCVN 6294:2007; TCVN 6295:1997; TCVN 7388-1,2,3:2007; TCVN 7052:2002; TCVN 6008-2010; QCVN 01:2008/BLĐTBXH
3.	Chai, thùng chứa chứa khí nén có áp suất làm việc định mức trên 0,7 bar (trừ chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng)	QCVN 01:2008/BLĐTBXH
4.	Hệ thống lạnh các loại theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6104:1996, trừ hệ thống lạnh có môi chất làm việc bằng nước, không khí; hệ thống lạnh có lượng môi chất nạp vào nhỏ hơn 5kg đối với môi chất làm lạnh thuộc nhóm 1, nhỏ hơn 2,5kg đối với môi chất lạnh thuộc nhóm 2, không giới hạn lượng môi chất nạp đối với môi chất lạnh thuộc nhóm 3.	TCVN 6155:1996; TCVN 6156:1996 TCVN 6008:2010; TCVN 9385:2012 TCVN 9358:2012; TCVN 6104- 1,2,3,4:2015; QCVN 21:2015/BLĐTBXH
5.	Cần trục các loại: Cần trục ô ô, cần trục bánh lốp, cần trục bánh xích, cần trục đường sắt, cần trục tháp, cần trục chân đế, cần trục công xôn, cần trục thiếu nhi	TCVN 8590-1:2010; TCVN 8242-2:2009 TCVN 10837:2015; TCVN 5206:1990 TCVN 4755:1989; TCVN 4244:2005; TCVN 5208-1,2,3,4:2008; TCVN 8855- 2:2011; TCVN 5179:1990; QCVN 07:2012/BLĐTBXH; QCVN 29:2016/BLĐTBXH
6.	Cầu trục: Cầu trục lăn, cầu trục treo,	TCVN 8242-1:2009; TCVN 10837:2015 TCVN 5206:1990; TCVN 5207:1990 TCVN 5209:1990; TCVN 9358:2012; TCVN 4244:2005; TCVN 5179:1990; QCVN 07:2012/BLĐTBXH; QCVN 30:2016/BLĐTBXH
7.	Công trục: Công trục, nửa công trục	TCVN 4244:2005 TCVN 5179:1990 QCVN 07:2012/BLĐTBXH QCVN 30:2016/BLĐTBXH
8.	Palăng điện, palăng kéo tay có tải	TCVN 5207:1990; TCVN 5180:1990;



✍

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật
	trọng từ 1000kg trở lên	TCVN 4244:2005; QCVN 13:2013/BLĐTBXH
9.	Tời điện dùng để nâng tải, kéo tải,	TCVN 5206:1990;TCVN 5207:1990 TCVN 5209:1990; TCVN 5179:1990 TCVN 9385:2012; TCVN 9358:2012 TCVN 6780-2:2009; TCVN 6997:2002; TCVN 4244: 2005; QCVN 07:2012/BLĐTBXH
10.	Tời thủ công có tải trọng từ 1.000kg trở lên	TCVN 4244:2005; QCVN 07:2012/BLĐTBXH
11.	Thang máy các loại và các bộ phận an toàn của thang máy	TCVN 6904:2001 TCVN 6905: 2001 TCVN 5867: 2009 TCVN 7628:2007 (ISO 4190) TCVN 5867: 2009 TCVN 6396 - 3:2010 TCVN 6396-20:2017 TCVN 6396-28:2013 TCVN 6396-80:2013 TCVN 6396-70:2013 TCVN 6396-71:2013 TCVN 6396-21:2015 TCVN 6396-50:2017 TCVN 6396-82:2015 TCVN 6396-72:2010 TCVN 6396-73:2010 TCVN6396-82:2015 TCVN6396-77:2015 TCVN 6396-77:2015 TCVN 6395:2008 TCVN 9385:2012 QCVN 02:2019/BLĐTBXH QCVN 32:2018/BLĐTBXH
12.	Thang cuốn, băng tải chở người	TCVN 9358:2012; TCVN 6397:2010; TCVN 6906:2001; QCVN 11:2012/BLĐTBXH
13.	Vận thăng	TCVN 5179:1990;TCVN 9385:2012 TCVN 4244:2005; TCVN 5206:1990; TCVN 5207:1990; TCVN 5209:1990; QCVN 16:2013/BLĐTBXH
14.	Xe nâng hàng dùng động cơ tải trọng từ 1000 kg trở lên	TCVN 4755:1989;TCVN 7772:2007; TCVN 4244:2005; TCVN 5206:1990; TCVN 5207:1990; TCVN 5209:1990; QCVN 25:2015/BLĐTBXH; TCVN 5179:1990



Handwritten mark or signature.

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật
15.	Bàn nâng, sàn nâng dùng để nâng người	TCVN 5209:1990;TCVN 4755:1989 TCVN 9358:2012; TCVN 4144:2005; TCVN 5179:1990; TCVN 5207:1990; QCVN 07:2012/BLĐTBXH; QCVN 20:2015/BLĐTBXH; TCVN 4244:2005
16.	Đường ống dẫn hơi nước và nước nóng	TCVN 6158:1996;TCVN 6159:1996 TCVN 6008:2010; QCVN31:2017/BLĐTBXH
17.	Ống cách điện có chứa bột và sào cách điện dạng đặc dùng để làm việc khi có điện	QCVN 14:2013/BLĐTBXH TCVN 5587:2008.
18.	Quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa	QCVN 37:2019/BLĐTBXH TCVN 6875:2010;TCVN 7206:2002 TCVN 7205: 2002;TCVN 8041:2009 TCVN 7121:2014;TCVN 7129:2010 TCVN 7422:2007 ;TCVN 7127:2010 TCVN 6877:2001;TCVN 6878: 2007 TCVN 6694:2010;TCVN 6689:2000
19.	Giày, ủng cách điện, chống đâm thủng, cửa rách, va đập, chống hóa chất	QCVN 36:2019/BLĐTBXH TCVN 7652:2007;TCVN 7653:2007 TCVN 7651:2007; TCVN 7654:2007 TCVN 8197:2009;TCVN 7544:2005 TCVN 7545:2005; QCVN 24:2014/BLĐTBXH; QCVN 15:2013/BLĐTBXH
20.	Dụng cụ điện cầm tay truyền động bằng động cơ	QCVN 09:2012/BLĐTBXH TCVN 7996-1: 2009 TCVN 7996-2
21.	Máy hàn điện	QCVN 03:2011/BLĐTBXH TCVN 7447:2010
22.	Khẩu trang, mặt nạ và bán mặt nạ lọc bụi; Khẩu trang mặt nạ và bán mặt nạ lọc hơi khí độc	TCVN 12325:2018; EN149:2001 EN 14387:2004+A1:2008; TCVN 7312:2003; TCVN 7313:2003; EN 143:2000(E); QCVN 08:2012/BLĐTBXH; QCVN 10:2012/BLĐTBXH
23.	Găng tay bảo hộ lao động chống cắt, đâm thủng, cửa rách, cách điện	TCVN 8838-1,2,3:2011 TCVN 12326-1:2018(EN ISO 374- 1:2016); TCVN 8084:2009; QCVN 24:2014/BLĐTBXH
24.	Thiết bị nâng	QCVN 07:2012/BLĐTBXH
25.	Mũ an toàn công nghiệp	TCVN 6407:1998; QCVN 06:2012/BLĐTBXH
26.	Hệ thống chống rơi ngã cá nhân	TCVN 7802-1,2,3:2007; TCVN 7802- 4,5,6:2008; TCVN 8206:2009; EN 358:1999



*

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật
		QCVN 23:2014/BLĐTBXH
27.	Sàn thao tác treo	QCVN 12:2013/BLĐTBXH
28.	Phương tiện bảo vệ mắt, mặt	TCVN 5082:1990; TCVN 5039:1990; TCVN 6157:1999; QCVN 27:2016/BLĐTBXH; QCVN 28:2016/BLĐTBXH

Handwritten signature

